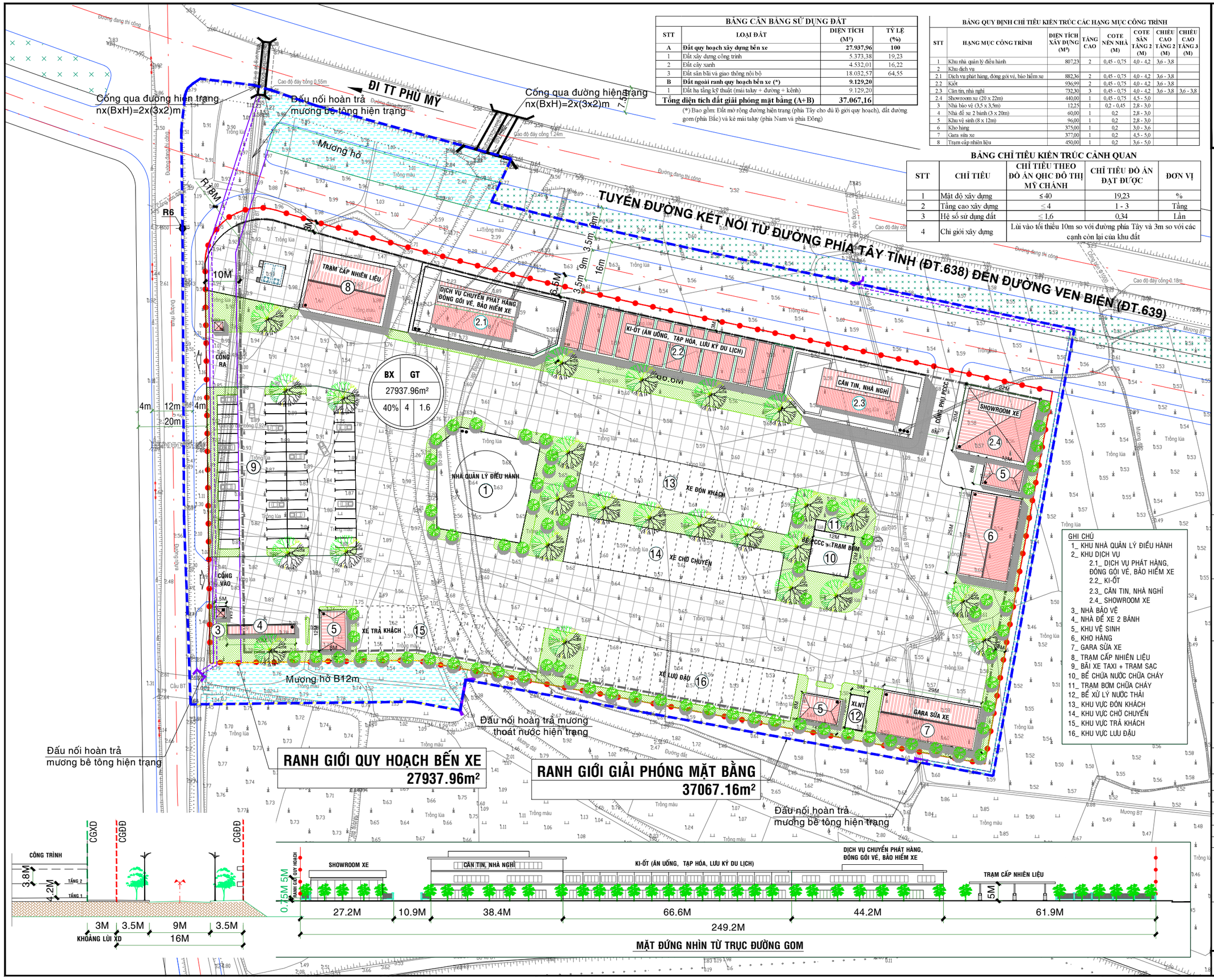

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
A	**Đất quy hoạch xây dựng bến xe**	**27.937,96**	**100**
1	Đất xây dựng công trình	5.373,38	19,23
2	Đất cây xanh	4.532,01	16,22
3	Đất sân bãi và giao thông nội bộ	18.032,57	64,55
B	**Đất ngoài ranh quy hoạch bến xe (*)**	**9.129,20**	
1	Đất hạ tầng kỹ thuật (mái taluy + đường + kênh)	9.129,20	
Tổng diện tích đất giải phóng mặt bằng (A+B)		**37.067,16**	

(*) Bao gồm: Đất mở rộng đường hiện trạng (phía Tây cho đủ lộ giới quy hoạch), đất đường gom (phía Bắc) và kè mái taluy (phía Nam và phía Đông)

BẢNG QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU KIẾN TRÚC CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M^2)	TẦNG CAO	COTE NỀN NHÀ (M)	COTE SÀN TẦNG 2 (M)	CHIỀU CAO TẦNG 2 (M)	CHIỀU CAO TẦNG 3 (M)
1	Khu nhà quản lý điều hành	807,23	2	0,45 - 0,75	4,0 - 4,2	3,6 - 3,8	
2	Khu dịch vụ						
2.1	Dịch vụ phát hàng, đóng gói vé, bảo hiểm xe	882,36	2	0,45 - 0,75	4,0 - 4,2	3,6 - 3,8	
2.2	Kiốt	936,99	2	0,45 - 0,75	4,0 - 4,2	3,6 - 3,8	
2.3	Căn tin, nhà nghỉ	732,30	3	0,45 - 0,75	4,0 - 4,2	3,6 - 3,8	3,6 - 3,8
2.4	Showroom xe (20 x 22m)	440,00	1	0,45 - 0,75	4,5 - 5,0		
3	Nhà bảo vệ (3,5 x 3,5m)	12,25	1	0,2 - 0,45	2,8 - 3,0		
4	Nhà để xe 2 bánh (3 x 20m)	60,00	1	0,2	2,8 - 3,0		
5	Khu vệ sinh (8 x 12m)	96,00	1	0,2	2,8 - 3,0		
6	Kho hàng	375,00	1	0,2	3,0 - 3,6		
7	Gara sửa xe	377,00	1	0,2	4,5 - 5,0		
8	Trạm cấp nhiên liệu	450,00	1	0,2	3,6 - 5,0		

BẢNG CHỈ TIÊU KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

STT	CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU THEO ĐỒ ÁN QHC ĐÔ THỊ MỸ CHÁNH	CHỈ TIÊU ĐỒ ÁN ĐẠT ĐƯỢC	ĐƠN VỊ
1	Mật độ xây dựng	≤ 40	19,23	%
2	Tầng cao xây dựng	≤ 4	1 - 3	Tầng
3	Hệ số sử dụng đất	≤ 1,6	0,34	Lần
4	Chỉ giới xây dựng	Lùi vào tối thiểu 10m so với đường phía Tây và 3m so với các cạnh còn lại của khu đất		

B

0 5 10 20M

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH BẾN XE
- RANH GIỚI GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH
- CÂY XANH
- SÂN ĐƯỜNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

KÝ HIỆU KHU ĐẤT — CHỨC NĂNG KHU ĐẤT
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT — BX GT 27937.96m² 40% 3 1.2
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA — HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA
TẦNG CAO TỐI ĐA

GHI CHÚ
1_ KHU NHÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH
2_ KHU DỊCH VỤ
2.1_ DỊCH VỤ PHÁT HÀNG, ĐÓNG GÓI VÉ, BẢO HIỂM XE
2.2_ KI-ỐT
2.3_ CĂN TIN, NHÀ NGHỈ
2.4_ SHOWROOM XE
3_ NHÀ BẢO VỆ
4_ NHÀ ĐỂ XE 2 BÁNH
5_ KHU VỆ SINH
6_ KHO HÀNG
7_ GARA SỬA XE
8_ TRẠM CẤP NHIÊN LIỆU
9_ BÃI XE TAXI + TRẠM SẠC
10_ BỂ CHỨA NƯỚC CHỮA CHÁY
11_ TRẠM BƠM CHỮA CHÁY
12_ BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
13_ KHU VỰC ĐÓN KHÁCH
14_ KHU VỰC CHỞ CHUYỂN
15_ KHU VỰC TRẢ KHÁCH
16_ KHU VỰC LƯU ĐẬU

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ .....NGÀY.....THÁNG .....NĂM 202...

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ HUYỆN PHÙ MỸ
KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ .....NGÀY.....THÁNG .....NĂM 202...

Đ.D CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG THUỘC UBND HUYỆN PHÙ MỸ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG .....NĂM 202...

CÔNG TRÌNH:
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 BẾN XE KHÁCH AN LƯƠNG, XÃ MỸ CHÁNH

ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ CHÁNH, HUYỆN PHÙ MỸ

BẢN VẼ: SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH 4	GHÉP: 01 A1	TỶ LỆ: 1 / 500	NGÀY ...../...../202
THỂ HIỆN THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN DUY		
CHỦ TRÌ QUẢN LÝ KT CHỦ NHIỆM	KTS. NGÔ QUỐC BÌNH		
GIÁM ĐỐC	KTS. NGÔ QUỐC BÌNH		

CÔNG TY TNHH
KHUÊ VĂN CÁC
ĐỊA CHỈ: 86 LÝ THÁI TỔ, P. QUANG TRUNG, TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐIỆN THOẠI: 0913612009 - 0905382935 - EMAIL: Ctykhuevancac@gmail.com

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
BẾN XE AN LƯƠNG, XÃ MỸ CHÁNH
BẢN VẼ: SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN QH 4